TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2018.
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng.

2. Ông Phạm Đức Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 415/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thảo N**, sinh năm: 1990.

Thường trú: Số nhà 1, tổ 9, khu P, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chổ ở: Số nhà 5 L, khu P, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phạm Nhật T**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 9, khu P, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Lê Thảo N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Nhật T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn L, huyện Long Thành ngày 13/8/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm gia đình, việc gì cũng giao cho người khác, chị có nói nhiều lần nhưng không được nên đến ngày 03/3/2016 chị có nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tuy nhiên tại bản án số 87/2016/HNGĐ-ST ngày 29/7/2016, hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị, sau đó chị có quay về tiếp tục chung sống với anh T được gần 02 năm nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T không có tiếng nói chung, chị thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đã dọn ra ngoài sinh sống từ tháng 4/2018, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Nhật T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Thảo V, sinh ngày 28/4/2010.

Hiện cháu V đang ở cùng với anh T. Ly hôn chị sẽ để cháu V cho anh T nuôi dưỡng, mỗi tháng chị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2018 và biên bản hòa giải ngày 27/9/2018 bị đơn anh Phạm Nhật T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường không có vấn đề gì, sau đó đến năm 2016 thì chị N có nộp đơn xin ly hôn nhưng Tòa đã xử bác yêu cầu của chị N, anh chị tiếp tục quay về chung sống với nhau. Từ khi về chung sống đến nay không có chuyện gì, nhưng dạo gần đây chị N hay đi chơi qua đêm vào các ngày cuối tuần, khi chị N về thì anh có nóng tính nói nặng chị N, sau đó thì anh lại là người làm hòa và khuyên chị N đừng như vậy nữa. Khoảng tháng 4/2018 thì chị N xin về nhà ba mẹ ruột sống, nhưng chị N có đi đi về về bên nhà anh, khoảng tháng 7/2018 thì anh chị chính thức ly thân. Nay anh nhận thấy còn thương vợ con rất nhiều, anh không muốn con anh phải khổ, anh muốn gia đình đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Thảo V, sinh ngày 28/4/2010.

Hiện cháu V đang ở cùng với anh. Nếu ly hôn anh sẽ nuôi dưỡng cháu V, chị N đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh đồng ý.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị N; Giấy khai sinh con; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản án số 87/2016/HNGĐ-ST ngày 29/7/2016; Bản tự khai của chị N; Bản tự khai của anh T; Bản tự khai của cháu V; Biên bản xác minh tại UBND thị trấn L; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ khác đã được đóng dấu bút lục trong hồ sơ vụ án.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Chị N xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Lê Thảo V, sinh ngày 28/4/2010. Các đương sự thỏa thuận anh T sẽ nuôi dưỡng cháu V, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: có 01 con chung là cháu Phạm Lê Thảo V, sinh ngày 28/4/2010, hiện cháu V đang sống cùng anh T, chị N đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng nên đề nghị giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Phạm Nhật T, anh T có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 13/8/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn nên chị N nộp đơn xin ly hôn. Chị N và anh T mâu thuẫn đã lâu, ngày 03/3/2016 chị N có nộp đơn xin ly hôn nhưng Tòa án bác đơn của chị N, anh chị có quay về tiếp tục chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N xử cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Thảo V, sinh ngày 28/4/2010.

Xét thấy hiện cháu V đang sống cùng anh T và được anh T chăm sóc tốt, tại Tòa cháu V có ý kiến muốn tiếp tục sống cùng anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 27/9/2018 chị N và anh T cũng thỏa thuận giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110,116, 117, 118 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thảo N về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" đối với anh Phạm Nhật T, xử cho chị Lê Thảo N được ly hôn anh Phạm Nhật T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Thảo V, sinh ngày 28/4/2010, xử giao cháu Vân cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thảo N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời

hạn cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi ly hôn chị N, anh T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Chị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thảo N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng. Nhưng chị N được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002330 ngày 04/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị N phải nộp thêm 300.000 đồng.

Chị Lê Thảo N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Nhật T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- UBND thị trấn L (1)

Giấy CNKH số 149 ngày 13/8/2009;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu (3).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Thị Hồng Gấm